

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 06/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 27/06/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	29204364213	Đình Thị Kiều	Anh	30/09/2005	Quảng Bình	32THT2	8.0	6.5	Đạt	
2	29208457177	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	31/01/2005	Đà Nẵng	32TBN2	7.3	4.0	Không Đạt	
3	29208151759	Phạm Thị Ngọc	Ánh	04/11/2005	Thanh Hoá	32THT2	9.0	7.0	Đạt	
4	28206144476	Trần Thị Hải	Bình	30/05/2004	Đà Nẵng	32SHT1	9.0	5.8	Đạt	
5	29208050328	Nguyễn Thị Mai	Chang	04/03/2005	Hải Dương	32TBN2	9.3	4.0	Không Đạt	
6	29204348370	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	27/10/2005	Đà Nẵng	32THT2	8.0	5.0	Đạt	
7	28212303297	Dương Văn	Chiến	30/12/2004	Bình Định	32THT2	8.3	7.5	Đạt	
8	28212303513	Phạm Viết Thành	Đạt	01/01/2004	Quảng Trị	32THT2	9.7	5.5	Đạt	
9	29204659043	Lê Thị Thuý	Diễm	25/05/2005	Đà Nẵng	32TBN2	9.0	5.3	Đạt	
10	29216948735	Hồ Công	Dũng	10/07/2003	Quảng Trị	32THT2	6.7	3.5	Không Đạt	
11	31205274241	Ngô Thị Nhon	Duyên	19/08/2007	Đà Nẵng	32TBN2	8.0	6.0	Đạt	
12	29208165429	Hoàng Thị Thu	Giang	31/10/2005	Đắk Lắk	32THT2	10.0	9.0	Đạt	
13	28208048184	Nguyễn Thị Hương	Giang	26/06/2004	Đà Nẵng	31TYC16	7.7	5.0	Đạt	
14	28208153521	Y-	Gonh	20/12/2003	Gia Lai	31TSC16	7.0	5.3	Đạt	
15	28206252145	Trần Thu	Hà	25/12/2004	Quảng Ngãi	32TBN2	9.0	8.3	Đạt	
16	28209305849	Võ Thị Thu	Hà	14/07/2004	Quảng Nam	31TBN19	7.7	4.0	Không Đạt	
17	29206960902	Nguyễn Nhật	Hạ	26/07/2005	Đà Nẵng	32THT2	9.3	5.0	Đạt	
18	29206558612	Phạm Thị Ngọc	Hằng	16/01/2005	Quảng Ngãi	32TBN2	8.7	4.0	Không Đạt	
19	29206534617	Nguyễn Mỹ	Hạnh	23/07/2005	Đà Nẵng	32TBN2	6.7	4.0	Không Đạt	
20	28212345935	Ung Nho	Hậu	06/05/2004	Đà Nẵng	32TBN2	9.7	5.0	Đạt	
21	28204905601	Nguyễn Thị Thu	Hiền	16/01/2004	Quảng Trị	31THT18	8.0	V	Không Đạt	
22	29208064426	Trần Thị Mỹ	Hiệp	15/01/2005	Đà Nẵng	32TBN2	8.3	4.0	Không Đạt	
23	29208120544	Ngô Thị Tuyết	Hoa	16/01/2005	Đà Nẵng	32TBN2	9.0	5.8	Đạt	
24	25216100497	Lê Phước	Huy	20/04/1999	Đà Nẵng	32TBN2	6.0	4.0	Không Đạt	
25	28208003256	Đoàn Thị	Huyền	04/02/2004	Đà Nẵng	32THT2	9.0	5.5	Đạt	
26	29205154344	Hồ Thị Khánh	Huyền	04/09/2005	Quảng Trị	32THT2	9.0	9.3	Đạt	
27	28214331267	Hồ Hoàng	Khang	17/11/2004	Phú Yên	32TBN2	5.3	2.5	Không Đạt	
28	29214354704	Nguyễn Hoàng	Khang	13/10/1998	Đà Nẵng	32THT2	9.0	6.8	Đạt	
29	29214555917	Phạm Duy	Khang	07/12/2005	Hồ Chí Minh	32THT2	9.3	8.0	Đạt	
30	29214300079	Hồ Phan Minh	Khoa	19/12/2005	Đà Nẵng	32TBN2	7.0	1.8	Không Đạt	
31	29214556821	Lê Anh	Khoa	16/04/2005	Quảng Ngãi	31TYC16	V	V	Không Đạt	
32	29204752133	Đình Thị Thúy	Linh	21/09/2005	Gia Lai	32THT2	8.3	5.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	29200322355	Hồ Thị Thùy	Linh	21/05/2005	Đà Nẵng	32TBN2	9.3	5.5	Đạt	
34	28204941092	Nguyễn Thị Bảo	Linh	04/07/2004	Hà Tĩnh	32TBN2	3.0	3.3	Không Đạt	
35	29208121503	Phạm Ngọc	Linh	10/05/2005	Đà Nẵng	32TBN2	9.3	5.5	Đạt	
36	28205101379	Tổng Khánh	Linh	01/11/2004	Kon Tum	31SBN10	8.3	3.5	Không Đạt	
37	29214659015	Hà Công	Minh	06/01/2005	Gia Lai	31TBN13	7.0	5.0	Đạt	
38	29208122631	Lê Thị Hà	My	29/09/2005	Đà Nẵng	32TBN2	9.3	6.3	Đạt	
39	28206500704	Dương Thị My	Na	30/12/2004	Quảng Nam	31TBN18	9.7	5.0	Đạt	
40	29204635394	Bùi Thanh	Ngân	24/10/2005	Đắk Lắk	31TSC13	7.7	3.3	Không Đạt	
41	29204657834	Đỗ Hà Thu	Ngân	25/12/2005	Quy Nhơn	32TBN2	9.3	6.0	Đạt	
42	28214349091	Ngô Đại	Nghĩa	28/02/2004	Lâm Đồng	31THT8	7.0	4.0	Không Đạt	
43	29208236811	Lê Thị Bảo	Ngọc	15/09/2005	Đà Nẵng	32THT2	8.0	3.5	Không Đạt	
44	28209350282	Phạm Bảo	Ngọc	27/05/2003	Đà Nẵng	31CBN5	5.7	3.3	Không Đạt	
45	29204638085	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên	24/01/2005	Đà Nẵng	32THT2	6.7	6.0	Đạt	
46	29214354552	Vũ Khôi	Nguyên	23/07/2005	Nghệ An	32THT2	4.0	3.5	Không Đạt	
47	29204762063	Lê Thị	Như	18/03/2005	Đắk Lắk	32TBN2	8.3	3.8	Không Đạt	
48	29204658305	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	05/03/2005	Quảng Bình	32TBN2	7.0	5.0	Đạt	
49	29208047923	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	28/08/2005	Đà Nẵng	32TBN2	8.7	5.4	Đạt	
50	28204231759	Lê Thị Huyền	Phương	01/05/2004	Nghệ An	31CSC10	9.3	4.0	Không Đạt	
51	28212303805	Nguyễn Trương	Quân	20/05/2004	Bình Định	31TBN19	5.7	3.0	Không Đạt	
52	28212303757	Đỗ Minh	Quang	24/08/2004	Quảng Ngãi	32THT2	6.0	7.5	Đạt	
53	29212342649	Lê Đình	Quốc	11/03/2005	Đắk Lắk	31SYC9	9.0	5.0	Đạt	
54	28204354970	Nguyễn Thị	Quỳnh	09/08/2004	Nghệ An	31CYC10	5.7	5.0	Đạt	
55	28204526427	Trương Thị Diễm	Quỳnh	20/09/2004	Đà Nẵng	31TSC16	6.7	3.8	Không Đạt	
56	28212304420	Hồ Minh	Sự	11/04/2004	Quảng Ngãi	31TYC15	7.7	3.3	Không Đạt	
57	29216962307	Nguyễn Nhật	Tân	23/09/2005	Kon Tum	32THT2	7.3	4.0	Không Đạt	
58	28212300997	Nguyễn Tấn	Thắng	19/04/2004	Đà Nẵng	32THT2	7.3	6.5	Đạt	
59	28212344583	Phạm Viết	Thanh	24/03/2004	Quảng Ngãi	32THT2	9.7	6.0	Đạt	
60	29204633492	Trần Thị Thùy	Thanh	08/04/2005	Đắk Lắk	32TBN2	9.7	7.0	Đạt	
61	29207145390	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	16/04/2005	Bình Định	31TBN19	5.7	5.3	Đạt	
62	29209354732	Nguyễn Vy Nhật	Thảo	22/09/2005	Đắk Lắk	32THT2	6.0	2.3	Không Đạt	
63	27213353757	Trần Thị Thạch	Thảo	25/07/2003	Đà Nẵng	32THT2	10.0	8.8	Đạt	
64	29204623664	Thạch Phương Diệu	Thiện	25/12/2005	Đắk Lắk	32TBN2	5.7	5.0	Đạt	
65	31204672015	Nguyễn Lê Phương	Thùy	27/10/2007	Gia Lai	32TBN2	8.3	6.3	Đạt	
66	29209545516	Hoàng Thủy	Tiên	10/04/2005	Quảng Trị	32THT2	7.0	5.0	Đạt	
67	28204147325	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	18/12/2004	Hồ Chí Minh	31TYC16	8.7	5.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	29219323290	Nguyễn Văn	Tiến	14/11/2005	Quảng Nam	31SHT10	6.3	3.5	Không Đạt	
69	29212354402	Trần Tấn	Tiến	22/06/2001	Quảng Nam	32TBN2	6.0	6.0	Đạt	
70	29216939864	Võ Minh	Tiến	19/06/2005	Quảng Trị	32THT2	7.3	5.5	Đạt	
71	29218038330	Trần Quốc	Tín	19/05/2005	Đắk Nông	32THT2	7.3	2.5	Không Đạt	
72	29206737801	Hoàng Thị	Tinh	15/09/2005	Quảng Bình	32TBN2	9.0	4.0	Không Đạt	
73	28206606645	Lê Thị Xuân	Trang	25/09/2004	Quảng Ngãi	31SSC9	7.3	5.0	Đạt	
74	28212340052	Võ Nhật	Trí	30/09/2004	Quảng Trị	32THT2	10.0	7.8	Đạt	
75	28206249629	Lê Kiều	Trinh	12/05/2004	Phú Yên	31TSC12	8.0	V	Không Đạt	
76	30208144161	Hoàng Thị Thanh	Trúc	10/05/2005	Đà Nẵng	32TBN2	3.0	4.0	Không Đạt	
77	29214352965	Trịnh Minh	Trường	28/03/2005	Quảng Nam	31SHT10	6.7	6.8	Đạt	
78	29212340348	Trịnh Hoàng	Tuân	05/05/2005	Đà Nẵng	32TBN2	V	V	Không Đạt	
79	28214305133	Nguyễn Thanh Anh	Tuấn	12/08/2004	Đà Nẵng	32THT2	V	V	Không Đạt	
80	29206940322	Phan Thị Kim	Tuyền	11/05/2005	Đà Nẵng	32THT2	7.7	5.0	Đạt	
81	28212303612	Hồ Song	Văn	04/01/2004	Quảng Trị	32TBN2	V	V	Không Đạt	
82	29206754807	Võ Thị Tường	Vi	10/04/2005	Đà Nẵng	31TSC16	9.3	4.3	Không Đạt	
83	29207264360	Bùi Vương Nhật	Vy	19/06/2005	Đà Nẵng	32THT2	8.0	6.0	Đạt	
84	29206734631	Nguyễn Thị Như	Ý	11/12/2005	Quảng Trị	32THT2	9.0	5.8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh